

NHÂN MÙA GIÁNG SINH, TÌM HIỂU VỀ CÁC THÁNH ANH HÀI

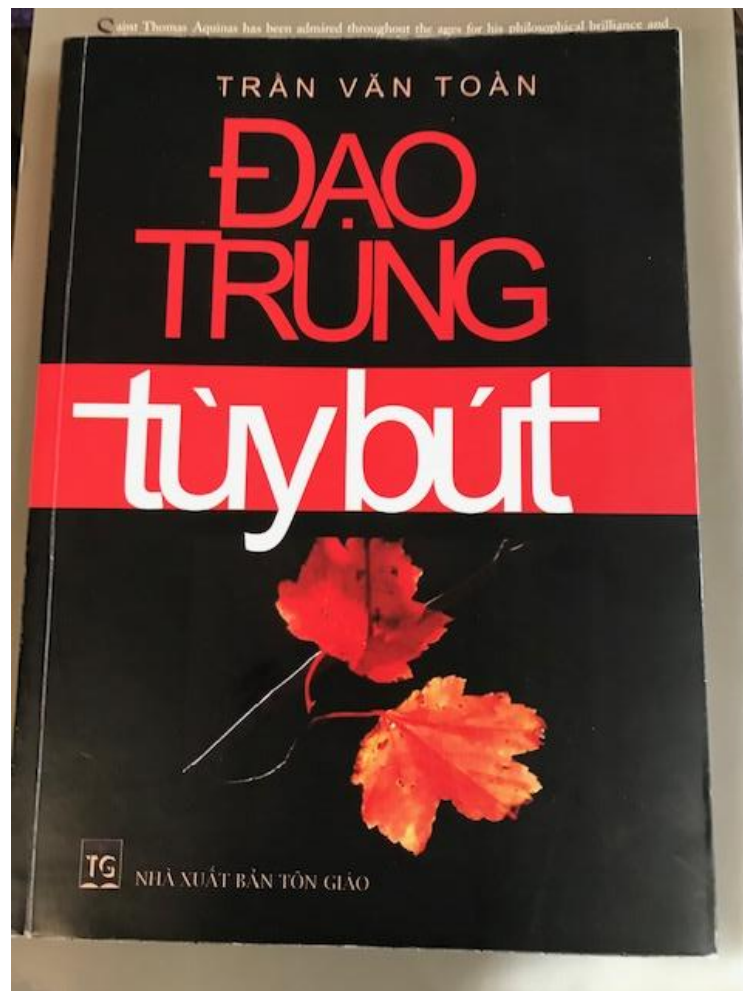
Bài của Nguyễn Đức Cung

1.- Một vài suy tư vào đề.

Thuở nhỏ, trước năm 1954, sống trong xứ đạo Tam Tòa, Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, tới mùa Giáng Sinh, tôi thường nghe đọc Kinh cầu *Đ.C.G. Hài đồng* có câu “*Hài Đồng là phần rỗi các thánh Anh hài*”. Sách *Nhật Khóa Địa Phận Huế* do Đức Cha E.M. J. Allys (Lý) [1852-1936] Ev. Vic. Ap., Mission de Huế và Đức Cha J.B. Urrutia (Thi) [1901-1979] Episc. Vic. De Huế (Huế, die 18 Junii 1951) cho phép ấn hành có qui định rằng : “*Kinh cầu Đ.C.G. Hài đồng : Đọc ban sáng từ lễ Sinh nhật Đ.C.G cho hết tuần lễ Ba Vua, trừ 3 ngày lễ ông thánh Têphanô, ông thánh Gioan, cùng các thánh Anh Hài, và hai ngày lễ kính Tên Rất Thánh Đ.C.G. và kính Gia thất.*” (Bản in lại năm 1991, trang 13). Tôi không biết ai là tác giả thật sự *Kinh cầu Đ.C.G. Hài Đồng* này, nhưng thông thường các kinh nguyện tại Địa phận Huế là do Đức Cha Hồ Ngọc Cẩn (1876-1948) một nhà văn Công Giáo, nhà nghiên cứu văn hóa dân tộc rất nổi tiếng trong những năm đầu của thế kỷ 20 tại Việt Nam với hàng trăm tác phẩm đã được xuất bản, soạn ra. Theo nhà nghiên cứu sử học Lê Ngọc Bích (1931-2009), “*Giám mục Hồ Ngọc Cẩn là một nhà giáo dục, là một cây bút hoạt động văn hóa phong phú đa dạng và rất Việt Nam, luôn đề cao văn hóa dân tộc.*” (Lê Ngọc Bích, *Nhân vật Giáo phận Huế*, Tập II, Bản lưu hành nội bộ, 2000, trang 137) Cung giọng du dương, trầm bổng của bản kinh cầu này với thể điệu ngân nga, tác lòng hòa nhịp nhất là hai chữ “phần rỗi” tác động trong lòng tôi theo với chiều dài của cuộc đời một người tín hữu.

Nếu các câu “khởi tụng” được xướng lên trước theo một cung giọng bình thường ca ngợi sự thánh thiêng mầu nhiệm, phong phú và đa dạng của Chúa Hài Đồng, thì các câu “ứng tụng” lại mang một sắc thái trầm bổng, dù là đơn điệu trong ngôn từ nhưng cuốn hút tâm can mọi người giáo hữu hiện diện kể cả ông bà già cả, thanh niên cùng trẻ con qua cung giọng, khi thấp khi cao, luyến láy đến bất ngờ.

Hai chữ “phản rồi” trong lời kinh dẫn trên là cơ hội nhắc tôi nhớ đến lời biện giải rất hay của Giáo sư Tiến sĩ Triết học Trần Văn Toàn (1931-2014), một nhà trí thức Công Giáo, nguyên Giáo sư Triết học Viện Đại học Huế (1957-1965) về chữ “rồi” như sau: “Khi người Âu châu muốn nói đến sự “rồi linh hồn”, thì thường dùng từ ngữ salus (salut), salvus (sauv). Đó là những từ ngữ dùng để chỉ sức khỏe hay để chỉ tính cách toàn vẹn. Tựu chung cũng là nói về sự sống, về mạng sống của người ta. Riêng người Đức thì dùng chữ Heil, do động từ heilen, nghĩa là cứu chữa. Khi phiên dịch theo tinh thần Việt Nam thì cha ông chúng ta dùng chữ rồi. Có lẽ rồi có nghĩa là rồi rã, thanh nhàn, không vất vả như trong thế giới này. Như thế cũng là hợp với ước vọng của người dân đang sống chật vật khổ sở. Nhưng không phải chỉ có thế.



GS. Trần Văn Toàn có bằng Tiến sĩ Triết học (1960) và Cao học Thần học (1984), đã dạy triết học tại Huế, Đà Lạt, Sài Gòn, Đại học Lovanium (Congo), Đại học Công Giáo Lille (Pháp), nguyên Chủ biên Tạp chí Đại-Học tại Viện Đại Học Huế (1960-1965).

Trong sách *Thánh giáo yếu lý quốc ngữ*, do Đức Cha Bá Đa Lộc (Pierre Pigneau de Béhaine) soạn, thì bản Nôm viết chữ rồi bằng cách chấp nối chữ lỗi 磊 (ba chữ thạch 石) với bộ khẩu 口 ở bên tả. Nhưng điều cho tôi rất lấy làm thán phục là trong cuốn sách Nôm *Phép dòng chị em mến câu rút Đức Chúa Giêsu*, do Đức Cha Phước (Paul Puginier) cho khắc in năm 1869, thì chữ rồi được viết bằng cách ghép chữ lỗi 磊 ở bên hữu để chỉ cách đọc, và chữ sinh 生 ở bên tả để chỉ nghĩa là sống. Nếu cách viết dùng bộ khẩu không có gì là thần tình, thì cách viết dùng chữ sinh 生 bên tả mới thật là đúng tinh thần đạo Chúa Cứu thế. Không biết vị nào cao minh đã có sáng kiến dùng chữ sinh 生 thay chữ khẩu 口 như thế, vừa hợp với giáo lý, vừa đúng với thần học: được rồi cũng có nghĩa là được sống! Cùng một chữ rồi mà vừa nói lên được cái ước vọng thanh nhàn, lại vừa nói lên cái ước vọng được sống mãi mãi! Cách viết chữ Nôm biết sử dụng lỗi hội ý như thế thật là thâm thúy, chữ quốc ngữ viết theo mẫu tự La-tinh không sao sánh được.” (Trần Văn Toàn, *Đạo trung tùy bút*, Nhà xb. Tôn Giáo, 2008, trang 121).

Ngôn ngữ Việt Nam chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa cho nên người ta gặp thấy hai chữ “Anh Hài” khi giáo lý Ki Tô giáo muốn chỉ các trẻ thơ bị vua Hê-rô-đê thăm sát sau sự kiện ba nhà chiêm tinh viếng thăm Hài Nhi Giê-su.

Theo từ điển *Từ Nguyên* của Trung Hoa, chữ Anh 嬰 có nghĩa là trẻ gái sơ sinh [初生的女孩 sơ sinh đích nữ hài] (Từ Nguyên tu đính bản, 1979 年 9 月, trang 0770) nhưng theo cụ Thiều Chửu trong *Hán Việt Tự Điển*, “**嬰 Anh**: Con trẻ mới đẻ gọi là **Anh**. Có người nói con gái gọi là **anh**, con trai gọi là **hài**.” (Cơ sở xuất bản Đại Nam, tái bản lần hai, trang 134. Ở trang 138, học giả Thiều Chửu viết : **Hài**: Trẻ con cười, bây giờ đều gọi trẻ bé là **hài**.. Linh mục Gustave Hue, trong *Tự điển Việt-Hoa-Pháp* có viết Anh 嬰 1. Enfant en bas âge: -hài: bébé; - nhi [trẻ em nhỏ tuổi] (Nhà sách Khai Trí Sài-Gòn in lại, 1971, trang 6, bản cũ với lời nói đầu viết tại Phú Nghĩa, 12-4-1937).

Học giả Đào Duy Anh trong *Hán Việt Từ Điển* cũng cho biết “**Hài đồng** 孩童 con trẻ (bébé, bambin) hay **hài nhi** 孩兒 con trẻ (enfant) [Trường Thi xuất bản, in lần thứ ba, 1957, trang 339]

Các tự điển Trung Hoa và Việt Nam nói chung đều viết như thế và kinh bản của chúng ta sử dụng đúng danh từ.

Trong *Từ Điển Công Giáo Anh Việt*, tác giả Nguyễn Đình Diễm, tức nhạc sĩ Phanxicô, có viết: *Holy Innocents a)* Các thánh Anh hài (L. *Sancti Innocentes*, C. 諸聖嬰孩 [Chư thánh anh hài], 諸聖無辜嬰孩 [Chư thánh vô cô anh hài], các trẻ em bị tàn sát theo lệnh vua Hê-rôt [Herod] – x. Mt 2:1-23 nh. Saints Innocents; x. Herod the Great. *b)* Lễ các thánh Anh hài (L. *Festum Sanctorum Innocentium Martyrum*, C. 諸聖嬰孩慶日 [Chư thánh anh hài khánh nhật], 諸聖嬰孩殉道慶日 [Chư thánh anh hài tuần đạo khánh nhật, ngày 28 tháng 12. Ngày nay, lễ này thường được cử hành để đền tạ vì tội ác phá thai [abortion]. (Nhà xb. Đồng Nai, 2014, trang 966).

2.-Cuộc trốn chạy của Thánh Gia qua Ai Cập.

Trong cuốn sách “Đức Giêsu thành Nazareth, Phần III Thời thơ ấu của Đức Giêsu”, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô viết rằng: “Sau kết thúc câu chuyện về các đạo sĩ, bây giờ mới xuất hiện gương mặt chính yếu của biến cố, đó là thánh Giuse; ngài đã không hành động theo ý riêng, nhưng theo mệnh lệnh đã nhận được từ sứ thần của Thiên Chúa trong giấc mộng. Ngài nhận lệnh, phải mau mắn trốn dậy, đem Hài Nhi và Mẹ Người trốn sang Ai Cập và ở đó cho đến khi có lệnh mới, “vì vua Hêrôđê sắp tìm giết Hài Nhi” (Mt 2, 13). Vào năm 7 tcn, vua Hêrôđê ra lệnh giết hai đứa con ruột của ông là Alexander và Aristobul, chỉ vì ông cảm thấy hai người này nguy hiểm cho quyền lực của mình. Vào năm 4 tcn cũng vì lý do đó, ông cũng loại bỏ đứa con tên là Antipater (x. Stuhlmarcher, tr. 85). Ông chỉ suy nghĩ theo cái nhìn quyền lực. Tin tức về một vị xưng mình lên ngôi, do các đạo sĩ mang đến, buộc ông phải cảnh giác. Dựa theo tính khí của ông, không có gì ngăn cản được ông.” “Bây giờ vua Hêrôđê thấy mình bị các nhà chiêm tinh đánh lừa, thì bùng bùng nổi giận, nên sai người đi giết tất cả các trẻ con ở Bêlem và toàn vùng lân cận, từ hai tuổi trở xuống, tính theo ngày tháng ông đã hỏi căn kẽ các nhà chiêm tinh” (Mt 2, 16). Thật ra chúng ta không biết gì về sự kiện này dựa theo những tài liệu bên ngoài Thánh Kinh, nhưng căn cứ vào sự độc ác của vua Hêrôđê, cũng có thể xác nhận điều này có thể xảy ra. Về đề tài này, Rudolf Pesch trích tác giả Do Thái Ápraham Schalit: “Niềm tin vào việc sắp đến hay việc sinh hạ một vị vua Mêsia tương lai đã có trong dư luận. Một con người chuyên chế hay nghi ngờ, nhìn bất cứ nơi đâu cũng đều có

sự phản bội và nổi loạn, và một tin tức mơ hồ đến tai ông để làm cho tinh thần vốn bệnh hoạn của ông đi đến tư tưởng phải giết các trẻ em mới sinh. Mệnh lệnh này không phải là bất khả.” (Pesch, trang 72) [Bản dịch của Lm Aug Nguyễn Văn Trinh, Nhà xb. Tôn Giáo, 2013, trang 151].

Để thấy rõ gương mặt chính yếu của Thánh Giuse qua biến cố Thánh Gia: trốn sang Ai Cập, xin đọc vào tường thuật mạc khải tư của Maria Valtorta trong bộ sách *“Tin Mừng như đã mạc khải cho tôi” (Bản tiếng Pháp: L’Evangile tel qu’il m’a été révélé”*:

“Đây là ban đêm. Giuse đang ngủ trên chiếc giường nhỏ trong căn phòng bé tí của ông. Một giấc ngủ an bình của một người nghỉ ngơi sau rất nhiều công việc đã hoàn thành cách ngay thật và kỹ lưỡng.

Tôi thấy ông trong bóng tối của căn phòng, chỉ hơi lơ mờ bởi một tia ánh trắng lọt qua khe hở của cánh cửa sổ hơi hé, không đóng chặt hoàn toàn. Tựa như Giuse bị nóng nực trong nơi ở nhỏ này, hoặc vì ông muốn có tia sáng này để nhận ra rạng đông và thức dậy mau chóng. Ông nằm nghiêng, và trong giấc ngủ, ông mỉm cười. Tôi không biết ông đã thấy cảnh tượng gì trong giấc mơ. Nhưng nụ cười biến ngay thành sợ hãi. Ông thở dài thật sâu, tựa như ông có cơn ác mộng và ông bò nhồm dậy.

Ông ngồi trên giường, dụi mắt và nhìn chung quanh ông. Ông nhìn về phía chiếc cửa sổ, nơi tia sáng lọt vào. Đêm trường thanh vắng. Ông nắm lấy chiếc áo treo ở cuối giường. Ông mặc nó ra bên ngoài chiếc áo ngủ trắng có tay ngắn mà ông đang mặc trên người. Ông vén mền, để chân xuống đất và tìm xăng-đan. Ông xỏ vào và buộc giây. Ông đứng dậy và đi ra cửa ở ngay đầu giường, không phải chiếc cửa ở bên cạnh giường là cửa thông với phòng đã tiếp đón các Đạo Sĩ. Ông gõ khe khẽ, chỉ hơi nghe thấy tic-tic, bằng các đầu mút ngón tay.

Chắc hẳn ông hiểu là người ta mời vào, vì ông mở cửa cách rất cẩn thận và đóng lại không một tiếng động. Trước khi đi tới cửa, ông đã thắp lên một chiếc đèn dầu nhỏ chỉ có một ngọn lửa, và dùng nó để soi sáng. Ông vào trong một phòng hơi lớn hơn phòng của ông, trong đó có một chiếc chõng thấp ở gần một cái nôi. Đã có ở đó một ngọn đèn chong với ngọn lửa nhỏ chập chờn trong một góc, giống như một vì sao ánh sáng yếu và vàng, cho phép thấy đường mà không làm phiền con mắt của người ngủ.

Nhưng Maria không ngủ. Cô quỳ gối ở bên nôi, trong y phục màu lợt, và cô cầu nguyện, canh chừng Giêsu đang ngủ êm. Giêsu ở tuổi như tôi đã thấy trong thị kiến về các nhà Đạo Sĩ: một trẻ em độ một tuổi, đẹp, hồng hào, tóc vàng hoe, quần lộn, với chiếc đầu nhỏ nằm ngập vào chiếc gối, và một bàn tay nắm lại để bên dưới cổ.

-Em không ngủ à?- Giuse ngạc nhiên khẽ hỏi. “Tại sao? Giêsu không được khỏe à?”

-Ồ không, Người khỏe. Em cầu nguyện. Nhưng sau đó em sẽ ngủ. Tại sao anh đến vậy Giuse? -Maria nói và vẫn quỳ gối như trước.

Giuse nói rất nhỏ để không làm em bé thức giấc, nhưng với vẻ khẩn thiết: “Phải đi khỏi đây ngay. Đi ngay lập tức. Hãy sửa soạn chiếc rương và một chiếc giỏ với tất cả những gì em có thể bỏ vào đó. Anh sẽ sửa soạn những gì còn lại. Anh sẽ mang đồ đạc bao nhiêu có thể... Chúng ta sẽ trốn đi vào lúc rạng đông. Có lẽ anh sẽ đi sớm hơn nữa. Nhưng anh phải nói với chủ nhà...”

-Nhưng tại sao lại trốn?

-Anh sẽ giải thích cho em sau, là vì Giêsu. Một thiên thần đã bảo anh: “Hãy mang đứa trẻ và Mẹ Người trốn sang Ai Cập”. Đừng mất thời giờ. Anh đi chuẩn bị tất cả những gì anh có thể.

Khỏi cần nói với Maria rằng đừng mất thời giờ. Vừa nghe nói tới *thiên thần, Giêsu, chạy trốn* là cô hiểu có sự nguy hiểm cho Bé của cô. Cô đứng phắt dậy, xanh mét với khuôn mặt màu sấp, lo lắng để một tay lên ngực. Cô bắt đầu bước, lanh lẹ và nhẹ nhàng, xếp quần áo vào trong chiếc rương và chiếc giỏ lớn mà cô đã bày ra trên giường. Cô lo lắng nhưng không lảm cẩm. Cô làm các thứ cách mau lẹ nhưng thứ tự. Thỉnh thoảng, khi đi qua chiếc nôi, cô nhìn chú bé ngủ, không hay biết gì hết.

-Em cần anh giúp không?-Thỉnh thoảng Giuse lại hỏi khi ló đầu vào trong chiếc cửa hé mở.

-Không, cảm ơn anh -Maria luôn luôn trả lời.

Chỉ khi chiếc giỏ đã đầy, và hẳn là nó nặng, cô mới gọi Giuse để ông giúp cô cột lại và đưa xuống khỏi giường. Nhưng Giuse không muốn người ta phải phụ ông nên ông làm một mình. Rồi ông cầm chiếc giỏ và mang sang phòng ông.

-Em có phải mang theo các mền len không?-Maria hỏi.

-Hãy mang hết sức có thể, vì những thứ còn lại, chúng ta sẽ bị mất. Hãy mang tất cả những gì em có thể, chúng sẽ ích lợi, bởi vì... bởi vì... Maria, chúng ta phải lưu lại ở xa một thời gian dài!...-Giuse rất buồn khi nói như vậy.

Và với Maria, người ta có thể nghĩ nỗi buồn đó nó thế nào. Cô thở dài khi gấp các chiếc mền của cô và của Giuse mà Giuse cột lại bằng sợi giây.

-Chúng ta phải để lại các nệm bông và các chiếc chiếu – Ông nói khi ông cột bó mền. “Dù anh có ba con lừa, anh cũng không thể chất quá nhiều. Chúng ta phải qua những con đường dài và khó khăn, một phần băng qua núi đồi, một phần băng qua sa mạc. Hãy phủ kỹ cho Giêsu. Đêm sẽ rất lạnh trong miền núi cũng như sa mạc. Anh mang theo các quà tặng của các Đạo Sĩ, nó sẽ hữu ích cho chúng ta ở đó. Tất cả số anh có, anh tiêu để mua hai con lừa. Chúng ta không thể trả chúng về cho họ, và anh phải trả gòn. Anh sẽ không chờ tới rạng đông. Anh biết phải tìm chúng ở đâu. Em hãy làm cho xong các thứ sửa soạn” và ông đi ra.

Maria còn lượm vài đồ vật, rồi sau khi đã quan sát Giêsu, cô ra ngoài rồi trở lại với các quần áo nhỏ hình như còn ướt, có lẽ mới giặt buổi tối. Cô gấp lại, cuộn vào trong một mảnh vải và đặt chúng với các thứ khác. Không còn gì nữa. Cô quay lại và thấy trong góc nhà có một đồ chơi nhỏ của Giêsu: một con chiên nhỏ đeo bằng gỗ. Cô cầm lấy, nấc * lên và hôn nó. Con chiên gỗ có những vết răng nhỏ của Giêsu, và đôi tai của nó bị cắn nát bấy. Maria vuốt ve cái vật vô giá trị này, được đeo bằng mảnh gỗ trắng, nhưng nó có giá trị rất lớn đối với cô, vì nó nói lên tình yêu của Giuse đối với Giêsu, và nó nói về đứa con nhỏ của cô. Cô buộc nó vào với các thứ khác ở bên trên chiếc rương đã đóng.

Bây giờ thực sự không còn gì nữa, chỉ còn Giêsu ở trong nôi. Maria nghĩ đến phải chuẩn bị cho Bé. Cô đến bên nôi và lúc lắc bé để đánh thức bé dậy. Nhưng chú bé rên lên một tí, trở mình và tiếp tục ngủ. Maria nhẹ nhẹ vuốt các lọn tóc. Giêsu mở cái miệng nhỏ của bé và ngáp. Maria cúi xuống và hôn lên má. Giêsu thức giấc. Bé mở mắt, bé thấy Má và mỉm cười, giơ tay về phía ngực má.

-Ừ, tình yêu của má, ừ, sữa, trước giờ thông thường... Nhưng con luôn sẵn sàng để bú má con, con chiên nhỏ thánh của má!...

Giuse trở lại: “Em xong chưa? Cả Giêsu nữa? Em có mang theo các mền nhỏ của bé và chiếc nệm nhỏ của bé không? Chúng ta không thể mang theo chiếc nôi, nhưng ít nhất bé có chiếc nệm nhỏ. Chú bé tội nghiệp mà người ta tìm cách giết!”

-Giuse!-Cô thốt lên tiếng kêu trong khi cô bám vào tay Giuse.

-Đúng, Maria ạ, tìm cách giết! Hêrôđê muốn cho bé chết... vì ông sợ bé... sợ cho quyền hành nhà vua. Con thú dơ bẩn! Hấn sợ đưa trẻ ngây thơ này. Anh không biết ông ta sẽ làm gì khi ông hay tin bé đã trốn đi. Nhưng lúc đó chúng ta đã ở xa. Anh không tin rằng ông ta sẽ báo thù bằng cách tìm Người tới tận Galilê. Khám phá ra rằng chúng ta là người Galilê đã là chuyện khó, và là người Nazarét thì càng khó hơn. Và chính xác thì chúng ta là ai? Chỉ trừ Satan giúp ông để cảm ơn ông vì đã là một tội tởn tâm của nó. Nhưng...Nếu chuyện đó xảy ra... Thiên Chúa sẽ giúp chúng ta. Maria, đừng khóc. Nhìn thấy em khóc, anh khổ hơn là phải đi đây...

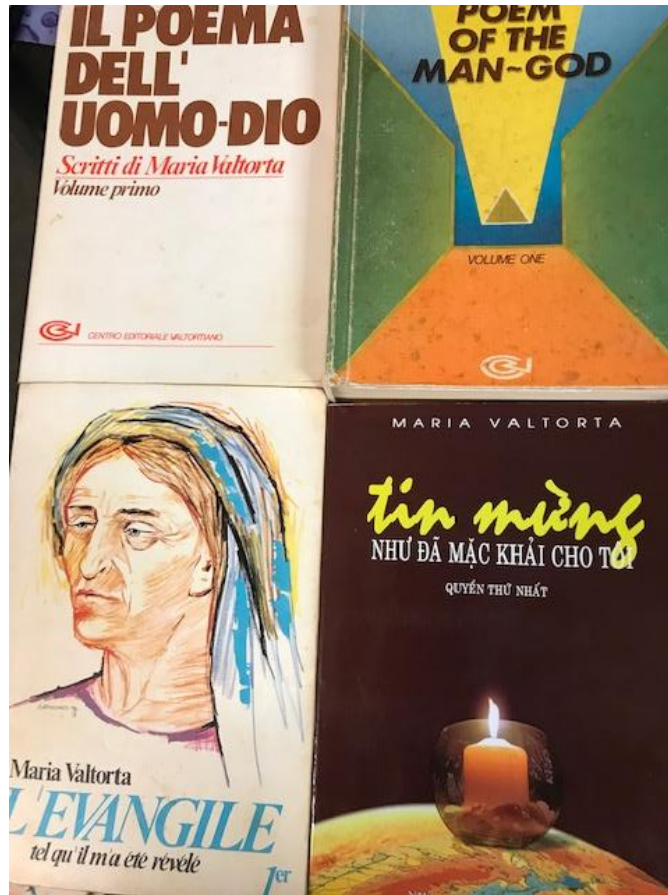
Maria rất êm nhẹ ẵm Giêsu lên, cuốn bé trong chiếc khăn và ôm ghì vào ngực. Cô nhìn các bức tường đã che chở cho cô bao nhiêu tháng, và lấy tay phớt nhẹ lên chúng. Phúc cho căn nhà đã đáng được yêu thương và chúc phúc bởi Maria.

Cô ra, đi băng qua căn phòng nhỏ của Giuse. Cô vào trong một phòng khác. Bà chủ nhà đầy nước mắt hôn cô và chào cô. Bà đỡ lên một góc chiếc khăn và hôn lên trán chú bé đang ngủ yên. Họ xuống cái cầu thang nhỏ ở bên ngoài.

Tia sáng đầu tiên của rạng đông cho phép vừa đủ phân biệt các vật. Trong bóng mờ này, người ta nhận thấy ba con vật. Con lục lờng nhất chở đồ, hai con kia có yên. Giuse khéo léo đặt chiếc rương và chiếc giỏ trên gác giữ hành lý của con lừa thứ nhất. Tới thấy các dụng cụ của thợ mộc được bó lại và cột ở bên trên chiếc giỏ. Rồi lại những từ già và nước mắt. Sau đó Maria lên con lừa của cô trong khi bà chủ nhà ẵm Giêsu ghì vào cổ bà và hôn bé lần sau cùng trước khi trả lại bé cho má Người. Giuse cũng lên yên sau khi đã cột con lừa của ông với con chở đồ, như vậy ông được tự do một bàn tay để giữ con lừa của Maria.

Cuộc chạy trốn bắt đầu trong khi Bétlem còn mơ về cảnh tuyết vời của các nhà Đạo Sĩ, ngủ yên bình, không hay biết gì về những điều đang chờ nó..."

(Dịch giả: Nt. Phạm Thị Hùng, CMR, Nhà xb Tôn Giáo, 2007, Quyền thứ nhất, các trang 257-262). [* nấc : chữ dùng của dịch giả Phạm Thị Hùng. Chúng tôi đã tra cứu lại trong bản tiếng Pháp thấy viết "Elle la prend en sanglotant et la baise." Học giả Đào Duy Anh, trong *Pháp-Việt Từ-Điển*, Minh-Tân Paris xuất bản, in lần thứ hai, trang 1595 có ghi *sangloter: khóc nức, tẩm tức*. Bản tiếng Anh viết chữ sobbing: nức nở; trang 180].



Bản dịch của LM. Nguyễn Phương (1921-1993) tác phẩm của Maria Valtorta có tên “Người Thần Truyện Thánh”. Các bản dịch tiếng Ý, Anh, Pháp, Việt được lưu hành trên khắp thế giới chứng minh giá trị của mặc khải tư này.

Herod I, Herodes Cả hay Herodes Vĩ Đại... là vị vua chư hầu được Đế quốc La Mã cắt đặt cai trị tỉnh Giu-đê (nay là vùng tranh chấp giữa Israel và Palestine) từ năm 37 TCN đến năm 4 TCN hoặc 1 TCN. Herod sinh trưởng trong một gia đình quyền quý có nguồn gốc Nabatea và Edom, tổ tiên ông đã cải sang Do Thái Giáo. Cha của Herod là Antipater xứ Edom. Mẹ ông là công nương Cypros của vùng Petra Nabatea (nay là một phần của Jordan). Gia đình ông có một quan hệ thân thiết với nhiều nhân vật quyền quý ở La Mã thời bấy giờ, trong đó có Pompey và Cassius. Nhờ mối quan hệ này, năm 47 TCN cha ông Herod được cất nhắc làm quan tổng trấn của vùng Giuđêa, và Herod được làm thống đốc Galilêa. Sau khi cha bị đầu độc vào năm 43 TCN, Herod lên nắm tất cả quyền bính của cha và truất phế người vợ đầu và con cả để lấy công nương Mariamne của hoàng tộc cai trị Giuđêa trước đó.

Năm 40 TCN, khi người Hasmonêa và Parthia xâm chiếm Giuđêa, Herod chạy trốn sang La Mã. Tại đó ông được Hội đồng Trưởng lão La Mã bầu làm vua dân Do

Thái. Nhưng phải đến năm 37 TCN ông mới thực sự thống trị được Giuđêa. (Tài liệu WikePedia sửa đổi lần cuối 18/4/2025).

3.- Một vài tư tưởng của các giáo phụ cô đọng trong sách *Catena Aurea* của Thánh Thomas Aquinas về vua Hêrôđê Cả và ý nghĩa thần học các Hải Nhi bị tàn sát.

Trong sách *Catena Aurea* mà một vị thánh vừa được Đức Thánh Cha Lêô XIV phong làm Tiến sĩ Giáo hội, thánh John Henry Newman biên tập lại, Thánh Augustine, Giám mục Hippo, A.D. 396 viết rằng trong khi ông ta (vua Hê-rô-đê) khủng bố Chúa Giê-su như vậy thì chính ông ta lại cung cấp thêm một đội quân (các thánh tử đạo) mặc áo trắng tinh cùng lứa tuổi với Thiên Chúa. [And while he thus persecutes Christ, he furnished an army (of martyrs) clothed in white robes of the same age as the Lord] (Volume I, Gospel of St. Matthew, Parts 1 & 2, Preserving Christian Publications Boonville, New York, 2009, trang 82.) Rabanus Maurus, Tổng Giám Mục Mayence, A.D. 847 cho biết : Ông ta không bằng lòng với việc tàn sát tại Bethlehem nhưng còn nói rộng ra đến các làng mạc lân cận, không loại trừ em bé mới sinh trong một đêm mà còn trước hai tuổi. [He is not satisfied with the massacre at Bethlehem, but extends it to the adjacent villages; sparing no age from the child of one night old, to that of two years.] Thánh Augustine cho biết các nhà chiêm tinh đã thấy ngôi sao lạ trên trời, không chỉ vài ngày mà hai năm về trước như họ đã thông báo cho Herod căn cứ theo thời gian khi ông ta điều tra các nhà chiêm tinh. [The Magi had seen this unknown star in the heavens, not a few days, but two years before, as they had informed Herod when he inquired. This caused him to fix *two years old and under*; as it follows, *according to the time he had enquired of the Magi.*]

Trong *Từ Điển Anh Việt Công Giáo*, tác giả Nguyễn Đình Diễm sơ lược cho biết về vua Hêrôđê Cả như sau: “*Herod the Great* Hê-rô-đê Cả (L.*Herodes Magnus*, vua Giu-đê-a [Judea – x. Mt 2:1-22; Lc 1:5; Cv 23:35], bao gồm cả Ga-li-lê [Galilee] và Sa-ma-ri-a [Samaria]. Ông sống vào khoảng từ năm 73 trước c.n. đến năm 4 thuộc c.n. và bắt đầu cầm quyền khoảng năm 37 trước c.n. Nghị viện La-mã chọn ông làm “Vua dân Do Thái” [King of the Jews]. Ông là người xây dựng Đền Thờ Thứ Ba [x. Temple] với những phiến đá to lớn khiến các môn đệ của Chúa Giê-su phải ngạc nhiên [Mc 13:1; Lc 21:5]. Cũng chính ông ra lệnh giết các trẻ nhỏ từ hai tuổi trở xuống khi nghe tin có Hải Nhi là “Vua dân Do Thái” mới giáng sinh [x. Mt 2:16, Holy Innocents]. Sau khi ông qua đời, lãnh thổ được chia cho ba người con trai, và biến động nổ ra khắp mọi nơi thuộc Giu-đê-a. (Nhà xb. Đồng Nai, 2014, trang 952).

Trong cuốn sách *Đức Giê-su Cuộc đời & Thời Đại* của nhóm các nhà biên khảo Charles Bricker, Lionel Casson, Charles Flowers, Wendy Murphy, Bryce Walker, Bernard Weisberger (Nguyễn Ước biên dịch), có viết: “Điên tiết vì Các Nhà Chiêm Tinh, Hê-rô-đê hạ lệnh giết tất cả bé trai Bê-lem từ hai tuổi trở xuống – nghĩa là, mọi em bé nam sinh từ thời điểm “ngôi sao” được lần đầu tiên nhìn thấy. Xác định theo ước lượng dân số khả hữu và sinh suất tại Bê-lem trong thế kỷ thứ nhất sau C.N., thì có thể khoảng 25 em bé bị giết. Mát-thêu bình luận việc tàn sát này bằng cách trích dẫn sách Giê-rê-mi-a 31:15: “Ở Ra-ma, vắng nghe tiếng khóc than rên rĩ: tiếng bà Ra-khen khóc thương con mình và không chịu để cho người ta an ủi, vì chúng không còn nữa” (Mt. 2:18). Ra-khen, vợ của Gia-cóp, chết khi sinh nở và – theo một truyền thuyết mà có thể Mát-thêu biết - được chôn gần Bê-lem. Những đứa con mà Ra-khen than khóc trong trích đoạn Cựu Ước trên là các bộ lạc bị lưu đày, hậu duệ của Giu-se, con trai bà. Mát-thêu dường như gia tăng số lượng của chúng để gồm vào – ít nhất cách tinh thần – các hài nhi bị giết ở Bê-lem.” (Nhà xb Văn hóa-Thông tin, 2003, trang 50).

Trong cuốn sách có tên *Để Đọc Các Giáo Phụ* của Adalbert-G. Hamman, do Minh Thanh Thủy & Lm Trần Ngọc Anh chuyển ngữ có viết về Prudentiô, người Hispania (+sau 405) như sau:

“Aureliô Prudentio, người Hispania để lại một công trình hoàn toàn khác. Ông gốc ở Calahorra [Bắc Hispania], xuất thân từ một gia đình Kitô hữu, có học thức tinh tế. Trước tiên, ông đã đảm nhận những chức vụ theo trình tự *cursus honorum* (hành trình danh dự); và về sau làm quan đầu tỉnh và tổng đốc của những thành phố lớn. Một cơn khủng hoảng nội tâm đã khiến ông rút lui khỏi chính trường. Prudentiô sống ẩn cư, khá đủ tiện nghi, đề ca tụng Thiên Chúa qua thơ ca; với ông, đó là một thứ phụng vụ tại gia. Ông làm ta nhớ đến Patrice de la Tour du pin (1911-1975, một nhà thơ Công Giáo lớn, người Pháp).

Trong những tác phẩm của ông [*Peristephanon*= *Những triều thiên*, *Psychomachia*= *cuộc tâm chiến*], tác phẩm đã tạo được sự kính nể trên các thế hệ kế tiếp và ngay cả trên phụng vụ Rôma là cuốn *Cathemerinon* (*Lời kinh mỗi ngày*) trong đó, ông cử hành các ngày các giờ (kinh phụng vụ), đồng thời liên kết chúng với các ngày lễ phụng vụ ưa thích: mùa Giáng sinh và Hiện linh.

Có thi hứng gần với Ambrôsiô nhưng lại không nhằm chủ đích phụng vụ, với phong thái không nặng về cấu trúc, thơ của Prudentiô nổi bật hẳn so với thơ của Hilariô (sức sống của thơ Hilariô nặng tính thần học hơn). Khi sống những ngày cuối đời, ông muốn bày tỏ công khai niềm tin Kitô giáo qua những lời tạ ơn và tán tụng.

Prudentiô

Thánh thi ca ngợi các thánh Anh Hải

*Tên bạo chúa điếng người vì sợ:
Vua của muôn vua vừa đến
Ngự trên ngai Đa-vít
Để trị vì Ít-ra-en.*

*Bạo chúa điên cuồng, hét sai sứ giả:
Săn lùng hấn, kẻ ngấp nghé ngai ta;
Cận vệ đâu, mau cầm lấy kiếm,
Vung tay đi cho nôi nhuộm máu đào.*

*Gây án sát nhân có ích chi?
Tội đại ác giúp Hêrôđê được gì?
Giữa cả cuộc điên cuồng thảm sát,
Chỉ Đức Ki-tô được cứu khỏi ác tai.*

*Xin mến chào, ôi, những cánh hoa tử đạo!
Vào lúc bình minh của cuộc hồng trần,
Mà kẻ bách hại Chúa vội hái đi sự sống,
Như giông tố cuốn trôi đoá hồng còn hàm tiếu.*

*Những nạn nhân đầu tiên vì Chúa, bỏ mình,
Là đàn cừu non chịu hiến sinh,
Dưới bàn thờ Chúa, những anh hài thơ dại,
Cùng nô đùa với hồng phúc quang vinh.*

Cathemerinon, bản dịch của A.-G. Hamman, trong *Kinh nguyện của các Kitô hữu tiên khởi*, Desclès de Brower, Paris, 1981, p. 240.

Trong cuốn *The Didache Bible with commentaries based on the Catechism of the Catholic Church*, và dựa trên câu trích của Matthew 2:13-21 có ghi *Flight into Egypt*: The Holy Family's sojourn in Egypt is reminiscent of the Old Testament Exodus from Egypt. Christ is thus associated with Moses and the Israelites (cf. Hos

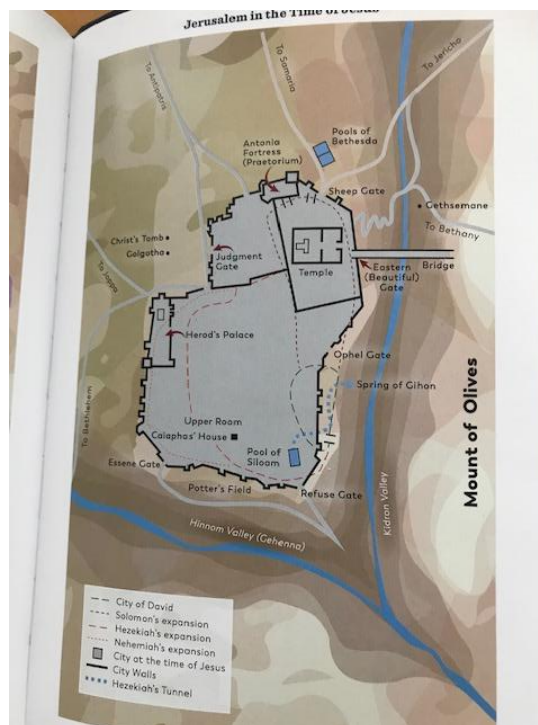
11:1; Mt 2:15): He frees God's people from bondage and oppression and leads them from darkness to light. *Kill all the male children*: The Church venerates these innocent children as martyrs for Christ in the Feast of the Holy Innocents. (CCC 333, 530) [*Chạy trốn sang Ai Cập*: Việc Thánh Gia ngụ cư trên đất Ai Cập gợi nhớ đến cuộc Xuất hành khỏi đất Ai Cập. Chúa Ki-tô như vậy được liên kết với Môi-sê và Ít-ra-en (Tham khảo Hos 11:1; Mt 2:15). Người giải thoát dân của Thiên Chúa khỏi ách xiềng tỏa cùng áp bức và dẫn đưa họ khỏi nơi tăm tối mà vào chốn ánh sáng. *Giết mọi đứa con trai*: Giáo Hội kính mừng các trẻ em vô tội như là những vị tử đạo vì Đức Ki-Tô trong Ngày lễ Các Thánh Anh Hải (*Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* 333, 530]. (Nhà xb. Midwest Theological Forum, Ignatius Press, 2006, trang 1262).

Trong sách *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* (Catechism of the Catholic Church), bản in lần hai tiếng Anh có ghi : “From the Incarnation to the Ascension, the life of the Word incarnate is surrounded by the adoration and service of angels. When God “brings the firstborn into the world, he says: ‘Let all God’s angels worship him.’” Their song of praise at the birth of Christ has not ceased resounding in the Church’s praise: “Glory to God in the highest!” They protect Jesus in his infancy, serve him in the desert, strengthen him in his agony in the garden, when he could have been saved by them from the hands of his enemies as Israel had been.” [Từ khi Nhập thể đến lúc Thăng thiên, đời sống của Ngôi Lời nhập thể được vây phủ bởi sự thờ lạy và phục vụ của các thiên thần. Khi Thiên Chúa “đưa Người con trưởng tử vào đời, Người phán: ‘Tất cả các thiên thần của Thiên Chúa phải thờ phượng Người.’” Bài hát chúc tụng của các thiên thần khi Chúa Ki-tô giáng trần đã không ngừng vang dội lại trong lời ca tụng của Giáo Hội: “Vinh danh Thiên Chúa trên tầng trời cao thăm!” Các thiên thần bảo vệ Chúa Giê-su khi Người thơ ấu, phục vụ Người trong sa mạc, làm cho Người mạnh sức khi hấp hối trong vườn cây dầu, và các ngài đã có thể cứu Người khỏi bàn tay của các kẻ thù như Ít-ra-en từng được cứu.” (Nhà xb. Libreria Editrice Vaticana, 2023, trang 86).

Cũng trong sách *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*, bản tiếng Anh, đoạn 530 có viết : “The *flight into Egypt* and the massacre of the innocents make manifest the opposition of darkness to the light: “He came to his own home, and his own people received him not. (Jn 1:11.)” Christ’s whole life was lived under the sign of persecution. His own share it with him (Cf. Jn 15:20). Jesus’ departure from Egypt recalls the exodus and presents him as the definitive liberator of God’s people. [*Sự chạy trốn sang Ai Cập* và cuộc tàn sát các trẻ hải nhi biểu lộ sự đối kháng của bóng tối chống lại ánh sáng. Người đã trở về nhà mình mà người nhà không đón nhận Người. Toàn bộ cuộc đời Chúa Ki-tô sống dưới dấu hiệu của sự bách hại. Cuộc sống của Người chia xẻ điều ấy với Người]. (Xem thêm *Gioan* 15:20). Sự đi ra của Chúa Ki-tô khỏi đất Ai Cập nhắc nhớ về cuộc xuất hành và trình bày người như một vị

giải phóng tất yếu của dân Thiên Chúa. Câu 15:20 của Thánh sử Gioan là: “Hãy nhớ lời Thầy đã nói với anh em: tôi tớ không lớn hơn chủ nhà. Nếu họ đã bắt bớ Thầy, họ cũng sẽ bắt bớ anh em. Nếu họ đã tuân giữ lời Thầy, họ cũng sẽ tuân giữ lời anh em.” (Kinh Thánh trọn bộ, Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ, 1998, trang 2031).

Tóm tắt lại, vua Hê-rô-đê Cả, cùng với biết bao tội ác, đã để lại nhiều công trình xây dựng to lớn ví như Đền thờ Giê-ru-sa-lem (xây lần thứ ba) rất nguy nga đồ sộ do ý tưởng, tiền bạc ông xuất ra với 10,000 công nhân tài giỏi và 1.000 tu sĩ dốc công nhiệt tình nhưng công trình đó đã bị đế quốc Rô-ma phá tan tành năm 70 sau C.N. như lời tiên báo của Chúa Giê-su trong Tân Ước “*sẽ không để hòn đá nào trên hòn đá nào.*” (Lc, 19,44). Hiệu nghiệm thay những lời khẳng định của Đức Ki-Tô!



Giê-ru-sa-lem trong thời đại Chúa Giê-su, bản đồ trích từ The Holy Bible, ASCENSION, West Chester, Pennsylvania, trang 1603, 2006.

Nguyễn Đức Cung

Philadelphia – Houston, Mùa Vong Giáng Sinh 2025

